

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 152 /BC-UBND

Bình Phước, ngày 14 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X - kỳ họp thứ 1 về dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2021, tỉnh Bình Phước.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tình hình thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021 như sau:

I. Thu ngân sách nhà nước: 13.673 tỷ đồng, bằng 180% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 105% dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Trong đó:

1. Thu nội địa: 12.370 tỷ đồng, bằng 192% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 105% dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

- Có 12/16 khoản thu thực hiện vượt dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (Thu từ Doanh nghiệp Nhà nước TW: 137%; Thu từ Doanh nghiệp Nhà nước địa phương: 133%; Thu từ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 149%; Thu từ Công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 127%; Lệ phí trước bạ: 133%; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 115%; Thuế thu nhập cá nhân: 151%; Thu phí, lệ phí: 107%; Thu tiền thuê đất: 107%; Thu khác ngân sách: 110%; Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 118%; Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế: 309%).

- Có 4/16 khoản thu thực hiện không đạt dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (Thuế bảo vệ môi trường 98%; Thu tiền sử dụng đất: 83%; Thu xổ số kiến thiết: 89%; Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi công sản khác: 59%)

2. Thu từ Hải quan: 1.285 tỷ đồng, bằng 110% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

3. Các khoản thu quản lý qua ngân sách: 18 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Biểu số 01)

II. Chi ngân sách địa phương: 18.540 tỷ đồng, bằng 207% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 118% dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

(Loại trừ số chi chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022 theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2021 là 13.566 tỷ đồng, bằng 151% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 86% dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua).

Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: 5.564 tỷ đồng, bằng 223% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 80% dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

2. Chi thường xuyên: 6.606 tỷ đồng, bằng 105% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 86% dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

- Có 4/11 khoản chi thực hiện vượt dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (Chi an ninh quốc phòng: 151%; Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 327%; Chi đảm bảo xã hội: 110%; Chi khác ngân sách 103%).

- Có 7/11 khoản chi thực hiện không đạt dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 87%; Chi khoa học công nghệ: 65%; Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 87%; Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 84%; Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn: 93%; Chi sự nghiệp kinh tế: 69%; Chi quản lý nhà nước: 85%).

3. Chi thực hiện cải cách tiền lương: 416327 tỷ đồng, đạt 107% dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

4. Chi cho các nhiệm vụ từ nguồn tăng thu cân đối: 156 tỷ đồng, đạt 100% dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

5. Chi đầu tư các dự án CNTT: 97 tỷ đồng, đạt 77% dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

6. Chi chuyển nguồn: 4.824 tỷ đồng.

7. Chi dự phòng ngân sách: 708 tỷ đồng, đạt 217% dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

8. Chi nộp ngân sách cấp trên: 150 tỷ đồng.

9. Các khoản chi quản lý qua ngân sách: 18 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Biểu số 02)

III. Cân đối ngân sách:

1. Tổng nguồn thu ngân sách địa phương năm 2021: 19.774 tỷ đồng.

Trong đó:

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 12.106 tỷ đồng.

- Thu kết dư: 443 tỷ đồng.

- Thu trợ cấp từ NSTW: 4.046 tỷ đồng.



- Thu chuyển nguồn: 3.080 tỷ đồng.
- Thu vay của ngân sách địa phương: 99 tỷ đồng.

2. Cân đối với tổng chi ngân sách địa phương năm 2021: 18.540 tỷ đồng. Tồn quỹ ngân sách địa phương năm 2021 là 1.234 tỷ đồng, trong đó:

- Tồn quỹ ngân sách cấp tỉnh: 40 tỷ đồng.
- Tồn quỹ ngân sách cấp huyện: 842 tỷ đồng.
- Tồn quỹ ngân sách cấp xã: 352 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư ;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, (Quế-14.6).



CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền



BÁO CÁO TỔNG HỢP THU NSNN, VAY NSDP NĂM 2021 TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 152/BC-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua	Số thực hiện	So sánh (%)	
					Bộ Tài chính giao	HĐND quyết định
A	B	1	2	3	3/1	3/2
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	7.602.700	13.000.000	13.672.779	180	105
I	Thu nội địa	6.432.700	11.830.000	12.370.120	192	105
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	480.000	480.000	659.137	137	137
	- Thuế giá trị gia tăng	270.000	260.000	297.852	110	115
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	178.000	188.000	323.685	182	172
	- Thuế tài nguyên	32.000	32.000	37.600	118	118
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	450.000	399.500	531.909	118	133
	- Thuế giá trị gia tăng	165.000	227.650	240.879	146	106
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	205.000	111.850	204.016	100	182
	- Thuế tài nguyên	80.000	60.000	87.014	109	145
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	450.000	730.000	1.086.470	241	149
	- Thuế giá trị gia tăng	225.000	185.000	304.519	135	165
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	224.000	544.900	781.847	349	143
	- Thuế tài nguyên	1.000	100	104	10	104
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.240.000	1.370.500	1.745.778	141	127
	- Thuế giá trị gia tăng	980.000	1.067.900	1.414.070	144	132
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	175.000	235.100	261.101	149	111
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.000	2.100	700	14	33
	- Thuế tài nguyên	80.000	65.400	69.907	87	107
5	Lệ phí trước bạ	350.000	460.000	610.293	174	133
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000	6.200	7.400	148	119
7	Thuế thu nhập cá nhân	520.000	630.000	949.949	183	151
8	Thuế bảo vệ môi trường	200.000	200.000	195.856	98	98
9	Phí, lệ phí	130.700	120.000	128.700	98	107
10	Tiền sử dụng đất	1.200.000	5.708.700	4.727.441	394	83
11	Thu tiền thuê đất, mặt nước, mặt biển	450.000	580.000	620.011	138	107
12	Thu khác ngân sách	200.000	210.000	231.331	116	110
13	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	55.000	74.700	88.158	160	118

STT	Nội dung	Dự toán Bộ Tài chính giao	chính HĐND tỉnh thông qua	Số thực hiện	Bộ Tài chính giao	HĐND quyết định
14	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	300	400	236	79	59
15	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	1.700	10.000	30.945	1.820	309
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả xổ số điện toán)	700.000	850.000	756.506	108	89
II	Thu Hải quan	1.170.000	1.170.000	1.284.877	110	110
III	Thu viện trợ			0		
IV	Các khoản huy động, đóng góp			17.782		
1	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng			3.401		
2	Các khoản huy động đóng góp khác			14.381		
B	VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			99.264		
I	Vay bù đắp bội chi NSDP			0		
1	Vay trong nước			0		
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			0		
II	Vay để trả nợ gốc vay			99.264		
1	Vay trong nước			99.264		
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			0		



BÁO CÁO TỔNG HỢP CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021 TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 152/BC-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua	Số thực hiện	So sánh (%)	
					Bộ Tài chính giao	HĐND quyết định
A	B	1	2	3	3/1	3/2
TỔNG (A+B)		8.955.915	15.750.000	18.540.235	207	118
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	8.955.915	15.750.000	18.522.453	207	118
I	Chi đầu tư phát triển	2.489.940	6.958.755	5.564.460	223	80
1	Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực		6.958.755	5.564.460		80
II	Chi trả lãi vay theo quy định	1.700		-	-	
III	Chi thường xuyên	6.286.399	7.692.256	6.605.678	105	86
1	Chi quốc phòng - an ninh		285.599	431.423		151
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		2.713.657	2.370.970		87
3	Chi khoa học và công nghệ	24.284	24.284	15.714	65	65
4	Chi y tế, dân số và gia đình		672.201	585.673		87
5	Chi văn hóa thông tin		145.203	121.904		84
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		144.262	133.588		93
7	Chi bảo vệ môi trường	48.927	28.000	91.592	187	327
8	Chi sự nghiệp kinh tế		2.192.459	1.518.225		69
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		1.169.701	991.907		85
10	Chi bảo đảm xã hội		279.196	305.727		110
11	Chi khác		37.694	38.955		103
IV	Dự phòng ngân sách	176.876	326.597	707.951	400	217
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	100	100
VI	Chi chuyển nguồn			4.823.975		
VII	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương		452.290	416.107		92
VIII	Chi trích lập Quỹ phát triển đất		37.500	-		-
IX	Chi cho các nhiệm chi từ nguồn tăng thu cân đối		155.602	155.602		100
X	Chi đầu tư các dự án CNTT		126.000	97.476		77
XI	Chi nộp ngân sách cấp trên			150.204		
B	CÁC KHOẢN CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH			17.782		